

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

| STT | Tên ngành đào tạo | Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp | Nhóm ngành học bổ sung kiến thức | Các môn học bổ sung kiến thức |
|-----|---|--|---|--|
| 1 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh (8140111) | - Sư phạm tiếng Anh. | - Tiếng Anh; - Ngôn ngữ Anh; - Ngữ văn Anh; - Văn chương Anh. | - Tâm lý sư phạm (04 tín chỉ) Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức. |
| 2 | Mỹ thuật ứng dụng (8210410) | - Mỹ thuật ứng dụng; - Thiết kế công nghiệp; - Thiết kế nội thất; - Thiết kế đồ họa; - Thiết kế thời trang; - Thiết kế mỹ thuật SK-ĐA; Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 90% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Mỹ thuật ứng dụng của Trường Đại học Tôn Đức Thắng. | - Lý luận, Lịch sử và Phê bình mỹ thuật; - Hội họa; - Đồ họa; - Điêu khắc; - Gốm; - ... Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 60% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Mỹ thuật ứng dụng của Trường Đại học Tôn Đức Thắng. | - Tư duy thiết kế (02 tín chỉ); - Thiết kế ứng dụng (02 tín chỉ). Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức. |
| 3 | Xã hội học (8310301) | - Xã hội học. | - Các ngành thuộc lĩnh vực ngành Khoa học xã hội và hành vi (trừ ngành xã hội học); - Các ngành thuộc lĩnh vực ngành Báo chí và thông tin. | - Xã hội học đại cương (02 tín chỉ); - Lý thuyết Xã hội học (02 tín chỉ); - Phương pháp nghiên cứu Xã hội học (02 tín chỉ). Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung |

| STT | Tên ngành đào tạo | Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp | Nhóm ngành học bổ sung kiến thức | Các môn học bổ sung kiến thức |
|-----|-------------------------------|--|---|--|
| | | | | kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức. |
| | | | - Các ngành thuộc khối tự nhiên, kỹ thuật, ngoại ngữ...; | - Xã hội học đại cương (02 tín chỉ); - Lý thuyết Xã hội học (02 tín chỉ); - Phương pháp nghiên cứu định lượng (02 tín chỉ). - Phương pháp nghiên cứu định tính (02 tín chỉ); - Xử lý và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu xã hội (02 tín chỉ); - Xử lý dữ liệu định tính (02 tín chỉ). - Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức. |
| 4 | Quản trị kinh doanh (8340101) | - Quản trị kinh doanh; - Marketing; - Bất động sản; - Kinh doanh quốc tế; - Kinh doanh thương mại; - Thương mại điện tử; - Kinh doanh thời trang và dệt may; - Quản trị nhân lực; | Nhóm 01: - Tài chính - Ngân hàng; - Bảo hiểm; - Kế toán; - Kiểm toán; - Khoa học quản lý; - Quản lý công; - Hệ thống thông tin quản lý; | - Kinh tế vi mô (03 tín chỉ); - Kinh tế vĩ mô (03 tín chỉ); - Nguyên lý quản trị (03 tín chỉ); - Nguyên lý Marketing (03 tín chỉ); - Nguyên lý kế toán (03 tín chỉ); - Thống kê trong kinh doanh và kinh tế (03 tín chỉ); - Luật công ty (02 tín chỉ). |

| STT | Tên ngành đào tạo | Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp | Nhóm ngành học bổ sung kiến thức | Các môn học bổ sung kiến thức |
|-----|-------------------|--|--|--|
| | | <p>- Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 90% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.</p> | <p>- Quản trị văn phòng; - Quan hệ lao động; - Quản lý dự án; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 60% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.</p> <p>Nhóm 02: - Các ngành khoa học sự sống; - Các ngành sinh học ứng dụng; - Các ngành khoa học tự nhiên; - Các ngành toán và thống kê; - Các ngành kỹ thuật; - Các ngành sản xuất và chế biến; - Các ngành kiến trúc và xây dựng; - Các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; - Các ngành sức khỏe; - Các ngành khoa học xã hội và hành vi; - Các ngành Pháp luật; - Ngôn ngữ Anh; - Ngôn ngữ Pháp; - Ngôn ngữ Trung Quốc; - Ngôn ngữ Đức; - Ngôn ngữ Nhật; - Ngôn ngữ Hàn Quốc.</p> | <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.</p> <p>- Toán kinh tế (03 tín chỉ); - Xác suất thống kê (03 tín chỉ); - Kinh tế vi mô (03 tín chỉ); - Kinh tế vĩ mô (03 tín chỉ); - Nguyên lý quản trị (03 tín chỉ); - Nguyên lý Marketing (03 tín chỉ); - Nguyên lý kế toán (03 tín chỉ); - Thống kê trong kinh doanh và kinh tế (03 tín chỉ); - Luật công ty (02 tín chỉ).</p> <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.</p> |

| STT | Tên ngành đào tạo | Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp | Nhóm ngành học bổ sung kiến thức | Các môn học bổ sung kiến thức |
|-----|---------------------------------|--|---|--|
| 5 | Tài chính - Ngân hàng (8340201) | <ul style="list-style-type: none"> - Tài chính – Ngân hàng; - Bảo hiểm; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 90% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Tôn Đức Thắng. | <ul style="list-style-type: none"> - Quản trị kinh doanh; - Marketing; - Bất động sản; - Kinh doanh quốc tế; - Kinh doanh thương mại; - Thương mại điện tử; - Kinh doanh thời trang và dệt may; - Kế toán; - Kiểm toán; - Khoa học quản lý; - Quản lý công; - Quản lý nhân lực; - Hệ thống thông tin quản lý; - Quản trị văn phòng; - Quan hệ lao động; - Quản lý dự án; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 60% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Tôn Đức Thắng. | <ul style="list-style-type: none"> - Tiền tệ và thị trường tài chính (03 tín chỉ); - Ngân hàng thương mại 1 (03 tín chỉ); - Tài chính doanh nghiệp (Quản trị tài chính) (03 tín chỉ). - Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức. |
| 6 | Kế toán (8340301) | <ul style="list-style-type: none"> - Kế toán; - Kiểm toán; - Kế toán – Kiểm toán. | <p>Nhóm 1: Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh và quản lý (mã 734) (không tính nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán);</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên lý kế toán (03 tín chỉ); - Kế toán tài chính (03 tín chỉ). |

| STT | Tên ngành đào tạo | Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp | Nhóm ngành học bổ sung kiến thức | Các môn học bổ sung kiến thức |
|-----|------------------------|--|---|---|
| | | | Nhóm 2: Các ngành khác (Không thuộc nhóm 1). | <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế vi mô (02 tín chỉ); - Kinh tế vĩ mô (03 tín chỉ); - Nguyên lý kế toán (03 tín chỉ); - Kế toán tài chính (03 tín chỉ); - Kế toán quản trị (03 tín chỉ). |
| 7 | Luật kinh tế (8380107) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật; - Luật kinh tế; - Luật quốc tế; - Luật hiến pháp và luật hành chính; - Luật dân sự và tố tụng dân sự; - Luật hình sự và tố tụng hình sự; - Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; - Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật. | <ul style="list-style-type: none"> - Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; - Nghệ thuật; - Nhân văn; - Khoa học xã hội và hành vi; - Báo chí và thông tin; - Kinh doanh và quản lý; - Khoa học tự nhiên (ngành Khoa học môi trường); - Công nghệ kỹ thuật; - Kỹ thuật; - Sản xuất và chế biến; - Kiến trúc và xây dựng; - Nông, lâm nghiệp và thủy sản; - Sức khỏe (ngành Quản lý bệnh viện); - Dịch vụ xã hội; - Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân; - Dịch vụ vận tải; - Môi trường và bảo vệ môi trường; - An ninh, quốc phòng... | <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp và kỹ năng luật học (02 tín chỉ); - Những vấn đề chung về Luật dân sự (02 tín chỉ); - Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (02 tín chỉ); - Luật công ty (02 tín chỉ); - Luật thương mại (02 tín chỉ). <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.</p> |

| STT | Tên ngành đào tạo | Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp | Nhóm ngành học bổ sung kiến thức | Các môn học bổ sung kiến thức |
|-----|--------------------------------|--|--|---|
| | | | Yêu cầu: có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực hành chính – pháp lý kể từ ngày tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển. | |
| 8 | Toán ứng dụng (8460112) | <ul style="list-style-type: none"> - Toán học; - Toán ứng dụng; - Toán cơ; - Toán tin; - Khoa học tính toán; - Khoa học dữ liệu; - Thống kê; - Sư phạm toán học; - Sư phạm toán tin; - Các ngành không có tên nêu trên thì Khoa chuyên môn sẽ xem xét và xác định. | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ học; - Toán kinh tế; - Thống kê kinh tế; - Vật lý học; - Sư phạm Vật lý; - Khoa học máy tính; - Công nghệ thông tin; - Sư phạm tin học; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 60% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Toán ứng dụng của Trường Đại học Tôn Đức Thắng. | <ul style="list-style-type: none"> - Đại số tuyến tính (02 tín chỉ); - Giải tích hàm nhiều biến (02 tín chỉ); - Phương trình vi phân thường (02 tín chỉ); - Giải tích số (02 tín chỉ); - Giải tích hàm (03 tín chỉ). <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.</p> |
| 9 | Khoa học máy tính (8480101) | <ul style="list-style-type: none"> - Khoa học máy tính; - Kỹ thuật phần mềm; - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; - Công nghệ thông tin; - Tin học; - Các ngành khác có tên nằm trong nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin theo danh mục các | <ul style="list-style-type: none"> - Toán tin; - Toán ứng dụng; - Khoa học tính toán; - Khoa học dữ liệu; - Các ngành khác mà trong bảng điểm tốt nghiệp đại học có các môn học liên quan đến lập trình máy tính sẽ được Khoa chuyên môn xác định. | <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp lập trình (03 tín chỉ); - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (03 tín chỉ); - Cấu trúc rời rạc (03 tín chỉ); - Hệ cơ sở dữ liệu (03 tín chỉ). <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ</p> |

| STT | Tên ngành đào tạo | Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp | Nhóm ngành học bổ sung kiến thức | Các môn học bổ sung kiến thức |
|-----|-------------------------------|--|--|---|
| | | ngành đào tạo của giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT có hiệu lực hiện hành. | | xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức. |
| 10 | Kỹ thuật điện (8520201) | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điện; - Hệ thống điện; - Kỹ thuật Điện - Điện tử; - Điện công nghiệp; - Sư phạm kỹ thuật (chuyên ngành Kỹ thuật điện); - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Điện lạnh. | <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý năng lượng; - Quản lý công nghiệp; - Bảo hộ lao động; - Kinh tế công nghiệp; - Điện tử viễn thông; - Kỹ thuật điện tử; - Cơ điện tử; - Tự động hóa sản xuất; - Tin học công nghiệp (PFIEV); - Kỹ thuật máy tính; - Công nghệ thông tin; - Cơ khí nhiệt; - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 60% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện của Trường Đại học Tôn Đức Thắng. | <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp điện (03 tín chỉ); - Nhà máy điện và trạm biến áp (03 tín chỉ). <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.</p> |
| 11 | Kỹ thuật viễn thông (8520208) | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật viễn thông; - Kỹ thuật điện tử, truyền thông; - Kỹ thuật điện tử - viễn thông. | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Kỹ thuật điện; - Kỹ thuật điện tử; - Kỹ thuật điện – điện tử; - Kỹ thuật cơ điện tử; | <ul style="list-style-type: none"> - Truyền thông tương tự và số (03 tín chỉ); - Xử lý số tín hiệu (03 tín chỉ); - Mạng truyền số liệu (03 tín chỉ). |

| STT | Tên ngành đào tạo | Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp | Nhóm ngành học bổ sung kiến thức | Các môn học bổ sung kiến thức |
|-----|--|---|---|---|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật máy tính; - Truyền thông và mạng máy tính; - Hệ thống thông tin; - Công nghệ thông tin; - Hệ thống điện. | Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức. |
| 12 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (8520216) | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Su phạm kỹ thuật (ngành tự động hóa). | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điện tử viễn thông; - Công nghệ kỹ thuật điện tử; - Công nghệ kỹ thuật điện-điện tử; - Kỹ thuật điện tử; - Kỹ thuật cơ điện tử; - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; - Hệ thống điện; - Su phạm kỹ thuật (các ngành kỹ thuật điện; điện-điện tử); - Kỹ thuật hàng không; - Kỹ thuật hàng hải. | <ul style="list-style-type: none"> - Truyền Động Điện (03 tín chỉ); - PLC (02 tín chỉ); - Mạng truyền thông công nghiệp (02 tín chỉ); - Điều khiển quá trình (03 tín chỉ). Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức. |
| 13 | Kỹ thuật hóa học (8520301) | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật hóa học; - Công nghệ kỹ thuật hóa học; - Công nghệ hóa học. | <ul style="list-style-type: none"> - Hóa học; - Kỹ thuật Vật liệu. | <ul style="list-style-type: none"> - Hóa lý (03 tín chỉ) Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức. |
| 14 | Kỹ thuật môi trường (8520320) | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật môi trường; - Công nghệ môi trường; | Nhóm 1: <ul style="list-style-type: none"> - Bảo hộ lao động; - Kỹ thuật hóa học; - Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu; | <ul style="list-style-type: none"> - Vi sinh vật nước thải (03 tín chỉ); - Phân tích môi trường (03 tín chỉ); - Quá trình công nghệ môi trường (03 tín chỉ). |

| STT | Tên ngành đào tạo | Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp | Nhóm ngành học bổ sung kiến thức | Các môn học bổ sung kiến thức |
|-----|-----------------------------|--|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ kỹ thuật môi trường (bằng TNDH do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp); - Khoa học môi trường (bằng TNDH do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp). | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật vật liệu; - Luyện kim và môi trường; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 60% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Tôn Đức Thắng. <p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sinh học; - Sinh học; - Nông nghiệp; - Lâm nghiệp; - Chế biến lương thực – thực phẩm và đồ uống; - Nuôi trồng thủy sản; - Quản lý đất đai; - Các ngành xây dựng; - Quan hệ lao động; <p>Yêu cầu phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm (tính từ ngày tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển) trong lĩnh vực môi trường.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức. |
| 15 | Kỹ thuật xây dựng (8580201) | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật xây dựng; - Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; - Kỹ thuật xây dựng công trình biển; | <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế xây dựng; - Quy hoạch vùng và đô thị; - Quản lý đô thị và công trình - Quản lý xây dựng; | <ul style="list-style-type: none"> - Sức bền vật liệu (03 tín chỉ); - Cơ học kết cấu (03 tín chỉ); - Kết cấu thép (03 tín chỉ). |

| STT | Tên ngành đào tạo | Nhóm ngành có chuyên môn phù hợp | Nhóm ngành học bổ sung kiến thức | Các môn học bổ sung kiến thức |
|-----|-------------------|---|--|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 90% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.. | <ul style="list-style-type: none"> - Địa kỹ thuật xây dựng; - Kỹ thuật tài nguyên nước; - Kỹ thuật cấp thoát nước; - Vật liệu xây dựng; - Hoặc các ngành không có tên nêu trên nhưng chương trình đào tạo có độ tương đồng từ 60% trở lên so với chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Tôn Đức Thắng. | <p>Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ học bổ sung kiến thức, Khoa chuyên môn sẽ xác định số môn học phải học bổ sung kiến thức.</p> |